

Bản án số: 41/2024/KDTM-ST
Ngày 31-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vận
chuyển hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Văn Nhung
- Bà Hoàng Lệ Chi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Chu Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 60/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐST-DS ngày 25/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐDS-DS ngày 12/7/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1; địa chỉ trụ sở: Số B Bis H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Triệu Thị Ngọc G, sinh năm 1989; địa chỉ: Số B B Hậu Giang, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/4/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở: Số C đường L, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số nhà A, Tổ A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Triệu Thị Ngọc G trình bày:

Tháng 4/2021, Công ty TNHH G1 nhận được đề nghị giao kết hợp đồng dịch vụ vận chuyển hàng hóa của Công ty Cổ phần Đ. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên đến ngày 01/6/2021, Công ty TNHH G1 mới ký kết hợp đồng dịch vụ vận chuyển số 01062021RTC/GCL với Công ty Cổ phần Đ.

Trong giai đoạn từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021, Công ty TNHH G1 đã cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty Đ với số tiền như sau: Công nợ tháng 5 theo hóa đơn số 0000180 là 270.050.000 đồng trong đó tiền phí dịch vụ là 245.500.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 24.550.000 đồng; Công nợ tháng 6 theo hóa đơn số 0000191 là 161.700.000 đồng, trong đó tiền phí dịch vụ là 147.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 14.700.000 đồng; Công nợ tháng 7 theo hóa đơn số 0000218 là 25.850.000 đồng, trong đó tiền phí dịch vụ là 23.500.000 đồng, thuế giá trị gia tăng là 2.350.000 đồng. Tổng cộng số tiền trong các tháng 5, 6, 7 Công ty TNHH G1 đã cung cấp dịch vụ cho Công ty Đ là 457.600.000 đồng, tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đ mới trả 75.850.000 đồng, còn nợ lại 381.750.000 đồng.

Tuy nhiên, đến giai đoạn tháng 8/2021, Công ty Cổ phần Đ có trạng thái kéo dài việc thanh toán nợ cước và nhiều lần hứa hẹn trả khoản công nợ còn lại. Nhận thấy điều này, Công ty TNHH G1 đã ngưng cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Đ. Từ tháng 8/2021 đến năm 2023 Công ty TNHH G1 đã nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại nhưng Công ty không thực hiện. Nay Công ty TNHH G1 yêu cầu giải quyết buộc Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH G1 khoản nợ 381.750.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn Công ty Cổ phần Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/6/2024 và phiên tòa ngày 12/7/2024, 31/7/2024 nhưng vắng mặt không lý do; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/6/2024 và phiên tòa ngày 12/7/2024, 31/7/2024 nhưng vắng mặt không lý do, đồng thời cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 01062021RTC/GCL giữa Công ty TNHH G1 với Công ty Cổ phần Đ GCL ngày 01/6/2021 và thư xác nhận ngày 28/02/2022 do người có thẩm quyền ký và đóng dấu. Như vậy, hợp đồng được ký kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Thương mại. Do đó, Công ty Cổ phần Đ có quyền và nghĩa vụ đối với Công ty TNHH G1 đối với các giao dịch phát sinh từ hợp đồng trên. Căn cứ vào hợp đồng số 01062021RTC/GCL, hóa đơn giá trị gia tăng, thư xác nhận, giấy xin gia hạn công nợ ngày 25/01/2022, lời trình bày của nguyên đơn xác định nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán được 75.850.000 đồng, còn nợ lại 381.750.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về thanh toán tiền thuê dịch vụ theo hợp đồng cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số còn nợ là cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, 96, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 530, 536 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G1 đối với Công ty Cổ phần Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa”.

Buộc Công ty Cổ phần Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G1 số tiền còn nợ là 381.750.000 (Ba trăm tám mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đ phải chịu 19.087.500 (mười chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Trả lại cho Công ty TNHH G1 số tiền 9.543.750 (chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002990 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Dương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liêng